

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ BÁT TRÀNG

DỰ THẢO ĐỀ ÁN
SẮP XẾP THÔN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ BÁT TRÀNG,
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Bát Tràng, tháng 6 năm 2026

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ BÁT TRÀNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /ĐA-UBND

Bát Tràng, ngày tháng 6 năm 2026

DỰ THẢO

ĐỀ ÁN

Sắp xếp để thành lập thôn trên địa bàn xã Bát Tràng

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Thôn là tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư, không phải là cấp hành chính; là nơi trực tiếp tổ chức sinh hoạt cộng đồng, vận động Nhân dân thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tham gia phát huy dân chủ ở cơ sở, xây dựng đời sống văn hóa, bảo đảm an ninh, trật tự và thực hiện các phong trào thi đua tại địa bàn dân cư.

Sau khi vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, hiện trạng thôn trên địa bàn xã Bát Tràng có nhiều thay đổi. Một số thôn có quy mô nhỏ, chưa phù hợp với tiêu chuẩn, điều kiện tổ chức theo quy định.

Các thôn trên địa bàn xã Bát Tràng có yếu tố lịch sử và đặc thù riêng, việc sắp xếp phải căn cứ vào hiện trạng tổ chức cộng đồng dân cư, tiêu chuẩn tương ứng với loại hình thôn, vì vậy việc xây dựng Đề án sắp xếp thôn trên địa bàn xã Bát Tràng là cần thiết nhằm tinh gọn đầu mối, nâng cao hiệu quả hoạt động tự quản của cộng đồng dân cư, bảo đảm phù hợp với quy mô số hộ, dân số, ranh giới, hạ tầng, truyền thống cộng đồng và yêu cầu quản trị cơ sở trong giai đoạn mới.

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;
- Luật Thủ đô năm 2024;
- Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở số 10/2022/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 97/2025/QH15;
- Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở;
- Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Nghị định số 370/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 150/2025/NĐ-CP;
- Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố;

8. Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 20/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố;

9. Nghị quyết của HĐND thành phố Hà Nội quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố; chức danh, số lượng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Hà Nội (có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2026);

10. Các văn bản chỉ đạo của Thành ủy, HĐND, UBND thành phố Hà Nội và hướng dẫn của Sở Nội vụ về sắp xếp thôn, tổ dân phố;

11. Tình hình thực tiễn về dân số, số hộ, ranh giới, hạ tầng kỹ thuật, thiết chế văn hóa, tổ chức đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và yêu cầu quản lý nhà nước trên địa bàn xã Bát Tràng

III. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Sắp xếp thôn trên địa bàn xã Bát Tràng theo hướng tinh gọn, hợp lý, phù hợp tiêu chuẩn, điều kiện tổ chức theo Nghị định số 185/2026/NĐ-CP, phù hợp quy mô dân cư, ranh giới, hạ tầng, truyền thống cộng đồng và yêu cầu quản lý nhà nước ở cơ sở.

Nâng cao hiệu quả hoạt động tự quản của cộng đồng dân cư; tạo thuận lợi trong tuyên truyền, vận động Nhân dân, thực hiện dân chủ ở cơ sở, bảo đảm an ninh, trật tự, vệ sinh môi trường, nếp sống văn minh và chuyển đổi số ở cơ sở.

Tạo cơ sở kiện toàn tổ chức đảng, Ban công tác Mặt trận, các chi hội đoàn thể và đội ngũ người hoạt động không chuyên trách ở thôn sau sắp xếp.

2. Yêu cầu

Bám sát quy định của pháp luật, chỉ đạo của Trung ương, Thành phố và tình hình thực tiễn của xã; bảo đảm công khai, dân chủ, thận trọng, có sự đồng thuận của Nhân dân.

Không sắp xếp cơ học, không chạy theo chỉ tiêu giảm số lượng; phải đánh giá đầy đủ tác động về quản lý dân cư, hạ tầng, thiết chế văn hóa, tổ chức đảng, Mặt trận, đoàn thể, an ninh trật tự, phong tục, tập quán, tôn giáo, tín ngưỡng và lịch sử cộng đồng dân cư.

Gắn sắp xếp thôn với phương án bố trí, kiện toàn người hoạt động không chuyên trách; giải quyết chế độ, chính sách đối với người không tiếp tục tham gia theo quy định; không để phát sinh khiếu nại, kiến nghị phức tạp.

IV. NGUYÊN TẮC SẮP XẾP

1. Việc sắp xếp thôn được thực hiện căn cứ vào hiện trạng tổ chức cộng đồng dân cư, quy mô số hộ, dân số, ranh giới, điều kiện hạ tầng và yêu cầu quản lý thực tế; không mặc định loại hình thôn theo tên gọi đơn vị hành chính là xã hay phường.

2. Đối với thành phố Hà Nội, việc đối chiếu tiêu chuẩn quy mô số hộ gia đình phải thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP: thôn phải có từ 500 hộ gia đình trở lên, tổ dân phố phải có từ 700 hộ gia đình trở lên; trường hợp

có yếu tố đặc thù thì rà soát, thuyết minh cụ thể theo quy định của Nghị định số 185/2026/NĐ-CP và hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

3. Việc sắp xếp thôn là sắp xếp tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư, không làm thay đổi địa giới hành chính xã; không làm thay đổi thẩm quyền quản lý nhà nước của UBND xã; không làm phát sinh thủ tục bắt buộc điều chỉnh giấy tờ của cá nhân, hộ gia đình, tổ chức, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Ưu tiên sáp nhập các thôn liền kề, có ranh giới tiếp giáp, giao thông thuận lợi, dân cư có sự gắn kết về lịch sử, văn hóa, phong tục, tập quán, sinh hoạt cộng đồng.

5. Không sắp xếp cơ học đối với địa bàn có yếu tố đặc thù về lịch sử, văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng, làng nghề, an ninh trật tự hoặc bị chia cắt bởi sông, hồ, đường giao thông lớn, khu công nghiệp, khu đô thị nếu việc sắp xếp làm giảm hiệu quả quản lý và tự quản cộng đồng.

6. Tên gọi thôn sau sắp xếp phải ngắn gọn, dễ nhớ, phù hợp truyền thống lịch sử, văn hóa, địa danh, không trùng lặp trong cùng xã, không gây nhầm lẫn trong quản lý; việc giữ tên gọi bằng số thứ tự đối với địa bàn đã ổn định cần được thuyết minh rõ để tránh xáo trộn không cần thiết.

7. Việc sắp xếp phải lấy ý kiến Nhân dân tại thôn chịu tác động trực tiếp; kết quả lấy ý kiến phải được tổng hợp đầy đủ, công khai, tiếp thu, giải trình rõ ràng.

V. ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG THÔN

1. Khái quát đặc điểm địa bàn

Xã Bát Tràng có diện tích tự nhiên: 20,76km², quy mô dân số 48.414 người, với 13.661 hộ gia đình. Được hình thành trên cơ sở sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Kim Đức (Gia Lâm), phần lớn diện tích tự nhiên và dân số của xã: Bát Tràng, Đa Tôn (Gia Lâm); một phần diện tích tự nhiên, dân số của thị trấn Trâu Quỳ (Gia Lâm); một phần diện tích tự nhiên, dân số của phường Cự Khối, phường Thạch Bàn (Long Biên). Ranh giới đơn vị hành chính xã Bát Tràng phía Đông tiếp giáp đơn vị hành chính cơ sở Gia Lâm và tỉnh Hưng Yên (ranh giới đi theo đường QL5B - ranh giới cấp tỉnh hiện nay); phía Tây tiếp giáp đơn vị hành chính cơ sở Lĩnh Nam, Thanh Trì (ranh giới đi theo sông Hồng); phía Nam tiếp giáp với Nam Phù (Thanh Trì) và tỉnh Hưng Yên (đi theo ranh giới cấp tỉnh và ranh giới cấp huyện hiện nay); phía Bắc tiếp giáp đơn vị hành chính cơ sở Gia Lâm, Long Biên (ranh giới đi theo đường CT37 - đường QL5B).

Hiện nay, trên địa bàn xã có 26 thôn, hình thành từ lâu đời, gắn với các khu dân cư truyền thống, người dân sinh sống ổn định, có mối quan hệ cộng đồng bền chặt, phong tục, tập quán và đời sống văn hóa đặc trưng được duy trì qua nhiều thế hệ. Đây là yếu tố thuận lợi trong việc tổ chức, vận động nhân dân thực hiện chủ trương sắp xếp đơn vị thôn, đồng thời cũng cần được xem xét, bảo đảm giữ gìn bản sắc văn hóa và tính gắn kết cộng đồng trong quá trình sắp xếp.

Hệ thống hạ tầng giao thông trên địa bàn được đầu tư tương đối đồng bộ, với tuyến đường tỉnh 379 đi qua cùng các tuyến đường liên xã, liên thôn được nâng cấp, hoàn thiện, tạo điều kiện thuận lợi cho giao lưu kinh tế - xã hội, đi lại của Nhân dân và công tác quản lý hành chính sau khi thực hiện sắp xếp, sáp nhập thôn.

Xã có bề dày truyền thống lịch sử, văn hóa với hệ thống di tích phong phú, gồm 14 di tích lịch sử, văn hóa đã được xếp hạng, trong đó có 06 chùa được xếp hạng di tích cấp Quốc gia và 08 chùa được xếp hạng di tích cấp tỉnh; ngoài ra còn có 14 đình, 07 đền, 15 chùa và 05 miếu. Hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn diễn ra ổn định, đúng quy định của pháp luật, thu hút đông đảo Nhân dân tham gia. Bên cạnh đó, còn có 15 lễ hội truyền thống được duy trì tổ chức hằng năm, góp phần bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa đặc sắc của từng thôn, làng, tạo nên bản sắc riêng của địa phương.

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn cơ bản ổn định; hệ thống chính trị ở cơ sở hoạt động hiệu quả; không phát sinh điểm nóng, vụ việc phức tạp kéo dài. Đây là điều kiện thuận lợi để tổ chức triển khai thực hiện chủ trương sắp xếp, sáp nhập thôn, bảo đảm sự đồng thuận của Nhân dân và ổn định tình hình địa phương sau sắp xếp.

2. Hiện trạng số lượng, quy mô

TT	Tên thôn	Loại hình	Số hộ	Dân số	Diện tích (km ²)	Đặc điểm địa bàn (Dân cư truyền thống/khu đô thị/chung cư)	Định hướng (Giữ nguyên/sắp xếp)
1	Thôn 1 Giang Cao	Thôn	554	1985	0,3786	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
2	Thôn 2 Giang Cao	Thôn	431	1511	0,5857	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
3	Thôn 3 Giang Cao	Thôn	575	2070	0,4303	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
4	Thôn 1 Làng Cỏ Bút Tràng	Thôn	430	1527	0,1286	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
5	Thôn 2 Bút Tràng	Thôn	601	2132	0,1337	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
6	Thôn 1 Đông Dư	Thôn	454	1406	0,5790	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
7	Thôn 2 Đông Dư	Thôn	390	1257	1,0255	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
8	Thôn 3 Đông Dư	Thôn	408	1339	0,6230	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
9	Thôn 4 Đông Dư	Thôn	381	1221	0,6120	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
10	Thôn 5 Đông Dư	Thôn	515	1683	0,9960	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
11	Thôn 6 Đông Dư	Thôn	124	396	0,3935	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
12	Thôn Ngọc Động	Thôn	628	2330	0,7538	Dân cư truyền thống	Sắp xếp

TT	Tên thôn	Loại hình	Số hộ	Dân số	Diện tích (km ²)	Đặc điểm địa bàn (Dân cư truyền thống/khu đô thị/chung cư)	Định hướng (Giữ nguyên/sắp xếp)
						thống	
13	Thôn Lê Xá	Thôn	410	1380	0,3300	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
14	Thôn Đào Xuyên	Thôn	1026	3469	0,7	Dân cư truyền thống	Giữ nguyên
15	Thôn Thuận Tồn	Thôn	1243	4416	1,5	Dân cư truyền thống	Giữ nguyên
16	Thôn Khoan Tế	Thôn	1095	4082	2,3	Dân cư truyền thống	Giữ nguyên
17	Thôn Trung Quan 1	Thôn	538	1966	1,582	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
18	Thôn Trung Quan 2	Thôn	441	1734	1,241	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
19	Thôn Trung Quan 3	Thôn	346	1208	1,1068	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
20	Thôn Chử Xá	Thôn	829	3004	2,0948	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
21	Thôn Sơn Hồ	Thôn	185	676	0,6362	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
22	Thôn 1 Kim Lan	Thôn	250	851	0,5799	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
23	Thôn 2 Kim Lan	Thôn	470	1647	0,5174	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
24	Thôn 3 Kim Lan	Thôn	539	1858	0,4650	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
25	Thôn 4 Kim Lan	Thôn	400	1355	0,3592	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
26	Thôn 5 Kim Lan	Thôn	455	1582	0,8289	Dân cư truyền thống	Sắp xếp

3. Bảng đối chiếu tiêu chí và định hướng xử lý

TT	Tên thôn/TDP	Loại hình	Số hộ hiện có	Tiêu chuẩn áp dụng (Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP về Quy mô số hộ)	Đạt/chưa đạt	Phương án xử lý (Giữ nguyên/Sáp nhập/Chia tách/Thành lập mới/Đổi tên)	Lý do
1	Thôn 1 Giang Cao	Thôn	554	500	Đạt	Sáp nhập	<i>Thực hiện sắp xếp đồng bộ các thôn liền kề, bảo đảm ổn định cộng đồng dân cư và thuận lợi trong quản lý</i>
2	Thôn 2 Giang Cao	Thôn	431	500	Chưa đạt	Sáp nhập	<i>Chưa đạt tiêu chuẩn quy mô số hộ gia đình theo quy định</i>
3	Thôn 3 Giang Cao	Thôn	575	500	Đạt	Sáp nhập	<i>Thực hiện sắp xếp đồng bộ các thôn liền kề, bảo đảm ổn định cộng đồng dân cư và thuận lợi trong quản lý</i>
4	Thôn 1 Làng Cổ Bát Tràng	Thôn	430	500	Chưa đạt	Sáp nhập	<i>Chưa đạt tiêu chuẩn quy mô số hộ gia đình theo quy định</i>
5	Thôn 2 Bát Tràng	Thôn	601	500	Đạt	Sáp nhập	<i>Thực hiện sắp xếp đồng bộ các thôn liền kề, bảo đảm ổn định cộng đồng dân cư và thuận lợi trong quản lý</i>
6	Thôn 1 Đông Dư	Thôn	454	500	Chưa đạt	Sáp nhập	<i>Chưa đạt tiêu chuẩn quy mô số hộ gia đình theo quy định</i>
7	Thôn 2 Đông Dư	Thôn	390	500	Chưa đạt	Sáp nhập	<i>Chưa đạt tiêu chuẩn quy mô số hộ gia đình theo quy định</i>
8	Thôn 3 Đông Dư	Thôn	408	500	Chưa đạt	Sáp nhập	<i>Chưa đạt tiêu chuẩn quy mô số hộ gia đình theo quy định</i>
9	Thôn 4 Đông Dư	Thôn	381	500	Chưa đạt	Sáp nhập	<i>Chưa đạt tiêu</i>

TT	Tên thôn/TDP	Loại hình	Số hộ hiện có	Tiêu chuẩn áp dụng (Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP về Quy mô số hộ)	Đạt/chưa đạt	Phương án xử lý (Giữ nguyên/Sáp nhập/Chia tách/Thành lập mới/Đổi tên)	Lý do
							<i>chuẩn quy mô số hộ gia đình theo quy định</i>
10	Thôn 5 Đông Dư	Thôn	515	500	Đạt	Sáp nhập	<i>Thực hiện sắp xếp với Thôn 3, 4 Đông Dư vì có sự gắn kết về lịch sử, văn hóa, đảm bảo tính ổn định trong quản lý.</i>
11	Thôn 6 Đông Dư	Thôn	124	500	Chưa đạt	Sáp nhập	<i>Chưa đạt tiêu chuẩn quy mô số hộ gia đình theo quy định</i>
12	Thôn Ngọc Động	Thôn	628	500	Đạt	Sáp nhập	<i>Thực hiện sắp xếp đồng bộ các thôn liền kề, bảo đảm ổn định cộng đồng dân cư và thuận lợi trong quản lý</i>
13	Thôn Lê Xá	Thôn	410	500	Chưa đạt	Sáp nhập	<i>Chưa đạt tiêu chuẩn quy mô số hộ gia đình theo quy định</i>
14	Thôn Đào Xuyên	Thôn	1026	500	Đạt	Giữ nguyên	<i>Đạt tiêu chuẩn</i>
15	Thôn Thuận Tồn	Thôn	1243	500	Đạt	Giữ nguyên	<i>Đạt tiêu chuẩn</i>
16	Thôn Khoan Tế	Thôn	1095	500	Đạt	Giữ nguyên	<i>Đạt tiêu chuẩn</i>
17	Thôn Trung Quan 1	Thôn	538	500	Đạt	Sáp nhập	<i>Thực hiện sắp xếp đồng bộ các thôn liền kề, bảo đảm ổn định cộng đồng dân cư và thuận lợi trong quản lý</i>
18	Thôn Trung Quan 2	Thôn	441	500	Chưa đạt	Sáp nhập	<i>Chưa đạt tiêu chuẩn quy mô số hộ gia đình theo</i>

TT	Tên thôn/TDP	Loại hình	Số hộ hiện có	Tiêu chuẩn áp dụng (Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP về Quy mô số hộ)	Đạt/chưa đạt	Phương án xử lý (Giữ nguyên/Sáp nhập/Chia tách/Thành lập mới/Đổi tên)	Lý do
							<i>quy định</i>
19	Thôn Trung Quan 3	Thôn	346	500	Chưa đạt	Sáp nhập	<i>Chưa đạt tiêu chuẩn quy mô số hộ gia đình theo quy định</i>
20	Thôn Chử Xá	Thôn	829	500	Đạt	Nhận sáp nhập	<i>Thôn Sơn Hồ liền kề, có vị trí địa lý thuận lợi, cộng đồng dân cư có mối quan hệ gắn bó, cùng chung hoạt động văn hóa lễ hội, bảo đảm điều kiện để tiếp nhận và tổ chức quản lý sau sáp nhập</i>
21	Thôn Sơn Hồ	Thôn	185	500	Chưa đạt	Sáp nhập	<i>Chưa đạt tiêu chuẩn quy mô số hộ gia đình theo quy định</i>
22	Thôn 1 Kim Lan	Thôn	250	500	Chưa đạt	Sáp nhập	<i>Chưa đạt tiêu chuẩn quy mô số hộ gia đình theo quy định</i>
23	Thôn 2 Kim Lan	Thôn	470	500	Chưa đạt	Sáp nhập	<i>Chưa đạt tiêu chuẩn quy mô số hộ gia đình theo quy định</i>
24	Thôn 3 Kim Lan	Thôn	539	500	Đạt	Sáp nhập	<i>Thực hiện sắp xếp đồng bộ các thôn liền kề, bảo đảm ổn định cộng đồng dân cư và thuận lợi trong quản lý</i>

TT	Tên thôn/TDP	Loại hình	Số hộ hiện có	Tiêu chuẩn áp dụng (Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP về Quy mô số hộ)	Đạt/chưa đạt	Phương án xử lý (Giữ nguyên/Sáp nhập/Chia tách/Thành lập mới/Đổi tên)	Lý do
25	Thôn 4 Kim Lan	Thôn	400	500	Chưa đạt	Sáp nhập	<i>Chưa đạt tiêu chuẩn quy mô số hộ gia đình theo quy định</i>
26	Thôn 5 Kim Lan	Thôn	455	500	Chưa đạt	Sáp nhập	<i>Chưa đạt tiêu chuẩn quy mô số hộ gia đình theo quy định</i>

4. Hiện trạng tổ chức hệ thống chính trị và người hoạt động không chuyên trách

Hiện nay, tại các thôn thuộc diện sắp xếp đều đã thành lập và duy trì hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị ở cơ sở theo quy định, gồm: Chi bộ Đảng, Ban Công tác Mặt trận, Chi hội Phụ nữ, Chi hội Nông dân, Chi hội Cựu chiến binh, Chi đoàn Thanh niên, Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và các tổ chức quần chúng khác. Các thôn đều có nhà văn hóa hoặc điểm sinh hoạt cộng đồng phục vụ các hoạt động hội họp, sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao của Nhân dân. Đội ngũ người hoạt động không chuyên trách ở thôn cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương. Sau khi thực hiện sắp xếp thôn, UBND xã phối hợp Ủy ban MTTQ Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội báo cáo Đảng ủy thực hiện kiện toàn tổ chức hệ thống chính trị ở thôn theo quy định; tổ chức rà soát, sắp xếp đội ngũ người hoạt động không chuyên trách phù hợp với mô hình tổ chức mới; thực hiện việc bố trí, kiện toàn các chức danh ở thôn bảo đảm tinh gọn, hiệu quả, đúng quy định. Việc sắp xếp được thực hiện đồng bộ với việc kiện toàn chi bộ, Ban Công tác Mặt trận, các chi hội đoàn thể, Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; tiếp tục sử dụng hiệu quả nhà văn hóa, điểm sinh hoạt cộng đồng hiện có, bảo đảm không bỏ trống địa bàn, không làm gián đoạn công tác lãnh đạo của Đảng, quản lý của chính quyền, hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở.

Chức danh/ Nội dung	Hiện có	Sau sắp xếp	Tăng (+) /Giảm (-)	Ghi chú
Bí thư Chi bộ	26	12	-14	BTCB kiêm TB CTMT: 3 BTCB kiêm TT: 5

Chức danh/ Nội dung	Hiện có	Sau sắp xếp	Tăng (+) /Giảm (-)	Ghi chú
Trưởng thôn	21	12	-09	
Trưởng ban Công tác Mặt trận	23	12	-11	
Phó Trưởng thôn	17	24	+7	(Chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn theo NQ21/2026 của HĐND thành phố Hà Nội)
Nhà văn hóa/Điểm sinh hoạt cộng đồng	25	25		

VI. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP CỤ THỂ

1. Tổng hợp phương án chung

Nội dung	Trước sắp xếp	Sau sắp xếp	Tăng (+) /Giảm (-)
Tổng số thôn	26	12	-14
Số người hoạt động KCT ở thôn	70	60	-10
Số chi bộ	26	12	-14
Số Ban công tác Mặt trận	26	12	-14

2. Phương án sáp nhập

Để đảm bảo phù hợp về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, sự cân bằng về quy mô dân số và diện tích tự nhiên giữa các thôn, UBND xã thực hiện ghép 15 thôn có quy mô số hộ dưới 500 hộ và 08 thôn (*Thôn 1 Giang Cao, Thôn 3 Giang Cao, Thôn 2 Bát Tràng, Thôn 5 Đông Dư, Thôn Ngọc Động, Thôn 3 Kim Lan, Thôn Trung Quan 1 và Thôn Chử Xá*) có số hộ lớn hơn trên 500 hộ thành các thôn mới có quy mô số hộ phù hợp, đúng quy định của pháp luật, phương án sắp xếp theo từng thôn cụ thể như sau:

2.1. Thôn Giang Cao

Thôn Giang Cao được thành lập trên cơ sở sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, dân số và số hộ gia đình của Thôn 1 Giang Cao, Thôn 2 Giang Cao và Thôn 3 Giang Cao hiện nay.

Ba thôn có vị trí liền kề, không gian cư trú liên tục, có sự gắn kết chặt chẽ về hạ tầng kỹ thuật, giao thông, sản xuất kinh doanh, sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng và các hoạt động cộng đồng. Nhân dân các thôn có quá trình hình thành, phát triển lâu dài trong cùng khu vực dân cư mang tên Giang Cao, có nhiều nét tương đồng về lịch sử, truyền thống văn hóa và đời sống xã hội. Vì vậy, việc sắp xếp thành một thôn thống nhất bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương, tạo thuận lợi cho công tác quản lý và tổ chức các hoạt động cộng đồng.

Việc sắp xếp nhằm thực hiện chủ trương tổ chức lại thôn theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở; đồng thời bảo đảm quy mô hộ gia đình, dân số theo quy định và phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã trong giai đoạn mới.

Sau sắp xếp, dự kiến giữ tên gọi **Thôn Giang Cao** nhằm kế thừa địa danh truyền thống đã được sử dụng ổn định từ nhiều năm, bảo tồn các giá trị lịch sử, văn hóa của cộng đồng dân cư, tạo sự đồng thuận trong Nhân dân và thuận lợi cho công tác quản lý hành chính.

Ranh giới thôn sau sắp xếp được xác định trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên của Thôn 1 Giang Cao, Thôn 2 Giang Cao và Thôn 3 Giang Cao hiện nay. Tổng quy mô sau sắp xếp là 1.560 hộ gia đình, 5.566 nhân khẩu, diện tích tự nhiên khoảng 1,3946 km.

Sau sắp xếp, Chi bộ, Ban Công tác Mặt trận, các chi hội đoàn thể chính trị - xã hội và đội ngũ người hoạt động không chuyên trách ở thôn được hợp nhất, kiện toàn theo quy định. Các thiết chế văn hóa, nhà văn hóa, sân thể thao và công trình hạ tầng hiện có tiếp tục được khai thác, sử dụng hiệu quả để phục vụ nhu cầu sinh hoạt cộng đồng của Nhân dân.

Việc thành lập Thôn Giang Cao không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Nhân dân; góp phần tinh gọn tổ chức ở cơ sở, tiết kiệm nguồn lực, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân và tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

Nội dung	Thôn 1 Giang Cao	Thôn 2 Giang Cao	Thôn 3 Giang Cao	Sau sáp nhập
Số hộ	554	431	575	1560
Dân số	1985	1511	2070	5566
Diện tích (km ²)	0,3786	0,5857	0,4303	1,3946

Nội dung	Thôn 1 Giang Cao	Thôn 2 Giang Cao	Thôn 3 Giang Cao	Sau sáp nhập
Số đảng viên	26	39	39	104
Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng	1	0	1	2
Người hoạt động không chuyên trách	2	3	3	8 (Giảm 3) (BT, TT, MT, 2 Phó thôn)

2.2. Thôn Bát Tràng

Thôn Bát Tràng được thành lập trên cơ sở sáp nhập Thôn 1 Làng cổ Bát Tràng và Thôn 2 Bát Tràng. Đây là hai khu dân cư nằm trong không gian văn hóa làng nghề truyền thống Bát Tràng, có lịch sử hình thành, phong tục tập quán và hoạt động cộng đồng thống nhất. Tên gọi Thôn Bát Tràng bảo đảm giữ gìn giá trị lịch sử, văn hóa và thương hiệu của làng nghề gốm sứ truyền thống. Sau sắp xếp, thôn có 1.031 hộ gia đình, 3.659 nhân khẩu. Ranh giới được xác định theo địa bàn dân cư hiện hữu của khu vực Bát Tràng. Các tổ chức trong hệ thống chính trị được kiện toàn theo quy định; cơ sở vật chất, nhà văn hóa và các thiết chế cộng đồng tiếp tục được sử dụng phục vụ Nhân dân. Việc sắp xếp góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, phát huy giá trị văn hóa truyền thống và tăng cường sức mạnh cộng đồng dân cư.

Nội dung	Thôn 1 Làng Cổ Bát Tràng	Thôn 2 Bát Tràng	Sau sáp nhập
Số hộ	430	601	1031
Dân số	1527	2132	3659
Diện tích (km ²)	0,1286	0,1337	0,2623
Số đảng viên	26	47	73
Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng	1	1	2
Người hoạt động không chuyên trách	3	3	5 (Giảm 1) (BT, TT, MT, 2 Phó thôn)

2.3. Thôn Thượng Đông Dư

Thôn Thượng Đông Dư được thành lập trên cơ sở sáp nhập toàn bộ Thôn 1 Đông Dư, Thôn 2 Đông Dư và Thôn 6 Đông Dư. Trong đó, Thôn 1 Đông Dư và Thôn 2

Đông Dư có vị trí liền kề, có mối liên hệ chặt chẽ trong đời sống văn hóa, kinh tế, xã hội và các hoạt động cộng đồng. Thôn 6 Đông Dư nằm cách khu dân cư của hai thôn một khoảng nhất định, tiếp giáp khu vực Viện Nghiên cứu Rau quả thuộc địa bàn xã Gia Lâm, tuy nhiên vẫn có sự gắn kết về lịch sử hình thành, phong tục tập quán và các mối quan hệ dân cư với khu vực Đông Dư hiện hữu.

Tên gọi **Thượng Đông Dư** được lựa chọn trên cơ sở kế thừa yếu tố lịch sử, văn hóa và địa danh truyền thống của khu vực, góp phần bảo tồn bản sắc địa phương sau sắp xếp. Sau khi thành lập, thôn có tổng số 968 hộ, với 3.059 nhân khẩu, đáp ứng tiêu chuẩn về quy mô hộ gia đình theo quy định hiện hành.

Ranh giới của thôn được xác định trên cơ sở địa giới tự nhiên, hệ thống giao thông và hiện trạng quản lý dân cư. Các tổ chức trong hệ thống chính trị ở thôn như Chi bộ, Ban Công tác Mặt trận và các chi hội đoàn thể được kiện toàn, sắp xếp phù hợp với quy mô mới. Nhà văn hóa hiện có tiếp tục được sử dụng làm địa điểm sinh hoạt cộng đồng, bảo đảm phục vụ nhu cầu hội họp, văn hóa, văn nghệ và các hoạt động của Nhân dân.

Việc sắp xếp, thành lập Thôn Đông Dư Thượng góp phần tinh gọn tổ chức ở khu dân cư, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước ở cơ sở, đồng thời tạo điều kiện tập trung nguồn lực đầu tư, nâng cao chất lượng các thiết chế văn hóa và phục vụ tốt hơn nhu cầu của Nhân dân trên địa bàn.

Nội dung	Thôn 1 Đông Dư	Thôn 2 Đông Dư	Thôn 6 Đông Dư	Sau sáp nhập
Số hộ	454	390	124	968
Dân số	1406	1257	396	3059
Diện tích (km ²)	0,5790	1,0255	0,3935	1,998
Số đảng viên	58	37	12	107
Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng	1	1	1	3
Người hoạt động không chuyên trách	2	2	2	5 (Giám 1) (BT, TT, MT, 2 Phó thôn)

2.4. Thôn Hạ Đông Dư

Thôn Đông Dư Hạ được thành lập trên cơ sở sáp nhập toàn bộ Thôn 3 Đông Dư, Thôn 4 Đông Dư và Thôn 5 Đông Dư. Trong đó, Thôn 3, 4 Đông Dư có vị trí địa lý liền kề trong khu vực dân cư phía trong đê; Thôn 5 Đông Dư nằm ngoài đê sông Hồng, có không gian cư trú tương đối biệt lập. Tuy nhiên, các thôn có mối quan hệ gắn bó chặt chẽ về lịch sử hình thành, đời sống văn hóa, tín ngưỡng, phong tục tập quán và cùng tham gia các hoạt động lễ hội truyền thống của địa phương. Nhân dân các thôn có sự giao lưu thường xuyên trong lao động sản xuất, sinh hoạt cộng đồng và các phong trào ở cơ sở.

Việc sáp nhập nhằm bảo đảm quy mô thôn phù hợp, tinh gọn tổ chức, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở và tạo thuận lợi cho công tác quản lý nhà nước. Sau sắp xếp, thôn có 1.304 hộ gia đình với 4.243 nhân khẩu.

Tên gọi **Hạ Đông Dư** được lựa chọn trên cơ sở kế thừa địa danh truyền thống của khu vực, bảo đảm tính liên tục về lịch sử, văn hóa và sự đồng thuận của Nhân dân. Ranh giới thôn được xác định theo hiện trạng địa giới dân cư; Chi bộ, Ban Công tác Mặt trận và các đoàn thể được kiện toàn theo quy định. Các công trình công cộng hiện có tiếp tục được quản lý, khai thác hiệu quả, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt cộng đồng của Nhân dân.

Nội dung	Thôn 3 Đông Dư	Thôn 4 Đông Dư	Thôn 5 Đông Dư	Sau sáp nhập
Số hộ	408	381	515	1304
Dân số	1339	1221	1683	4243
Diện tích (km ²)	0,6230	0,6120	0,9960	2,231
Số đảng viên	39	37	25	111
Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng	1	1	1	3
Người hoạt động không chuyên trách	2	2	2	5 (Giám 1) (BT, TT, MT, 2 Phó thôn)

2.5. Thôn Đa Tốn

Thôn Đa Tốn được thành lập trên cơ sở sáp nhập Thôn Ngọc Động (628 hộ gia đình) và Thôn Lê Xá (410 hộ gia đình). Mặc dù không có vị trí tiếp giáp trực tiếp như một số thôn khác trên địa bàn, nhưng hai thôn có nhiều nét tương đồng về lịch sử, văn hóa, phong tục tập quán và mối quan hệ cộng đồng gắn bó lâu đời. Việc sáp nhập Thôn Lê Xá vào Thôn Ngọc Động bảo đảm quy mô thôn phù hợp, cân đối với các thôn khác trên địa bàn xã, đồng thời nâng cao hiệu quả công tác quản lý và tổ chức các hoạt động cộng đồng.

Sau sắp xếp, Thôn Đa Tốn có 1.038 hộ gia đình với 3.710 nhân khẩu. Tên gọi **“Đa Tốn”** được lựa chọn nhằm kế thừa và phát huy giá trị của địa danh lịch sử lâu đời gắn với vùng đất Đa Tốn xưa. Theo các tài liệu lịch sử địa phương, trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, khu vực này thuộc **Tổng Đa Tốn**, trong đó Ngọc Động và Lê Xá là hai đơn vị dân cư trung tâm của vùng. Việc sử dụng tên gọi **Đa Tốn** không chỉ bảo tồn dấu ấn lịch sử, văn hóa của địa phương mà còn góp phần củng cố sự gắn kết cộng đồng, tạo sự đồng thuận của Nhân dân trong quá trình sắp xếp đơn vị dân cư. Ranh giới thôn được xác định trên cơ sở địa bàn dân cư hiện hữu của hai thôn trước khi sáp nhập; hệ thống chính trị ở cơ sở được kiện toàn theo quy định, cơ sở vật chất hiện có tiếp tục được quản lý, khai thác hiệu quả, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của Nhân dân.

Nội dung	Thôn Ngọc Động	Thôn Lê Xá	Sau sáp nhập
Số hộ	628	410	1038
Dân số	2330	1380	3710
Diện tích (km ²)	0,7538	0,33	1,0838
Số đảng viên	71	55	126
Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng	1	1	2
Người hoạt động không chuyên trách	3	2	5 (BT, TT, MT, 2 Phó thôn)

2.6. Thôn Trung Quan

Thôn Trung Quan được thành lập trên cơ sở sáp nhập toàn bộ Thôn Trung Quan 1, Thôn Trung Quan 2 và Thôn Trung Quan 3. Ba thôn có vị trí địa lý liền kề, có lịch sử hình thành lâu đời, mối quan hệ cộng đồng gắn bó, tương đồng về điều kiện kinh tế - xã hội, phong tục tập quán và đời sống văn hóa. Mặc dù Thôn Trung Quan 1 đã đạt tiêu chuẩn về quy mô hộ gia đình, song việc sáp nhập với Thôn Trung Quan 2 và Thôn Trung Quan 3 nhằm hình thành một đơn vị dân cư có quy mô phù hợp hơn, bảo đảm tính liên kết về không gian, thuận lợi trong công tác quản lý và tổ chức các hoạt động cộng đồng.

Sau sắp xếp, thôn có 1.325 hộ gia đình với 4.908 nhân khẩu. Tên gọi **Trung Quan** được lựa chọn trên cơ sở kế thừa địa danh truyền thống của khu vực, bảo đảm giữ gìn giá trị lịch sử, văn hóa và nhận được sự đồng thuận của Nhân dân. Ranh giới thôn được xác định theo hiện trạng địa giới dân cư của ba thôn trước khi sáp nhập.

Sau sắp xếp, Chi bộ, Ban Công tác Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội ở thôn được kiện toàn theo quy định; các nhà văn hóa và công trình công cộng hiện có tiếp tục được quản lý, khai thác hiệu quả, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, hội họp và tổ chức các hoạt động cộng đồng của Nhân dân. Việc thành lập Thôn Trung Quan góp phần tinh gọn bộ máy ở cơ sở, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, phát huy nguồn lực hiện có và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân trên địa bàn.

Nội dung	Thôn Trung Quan 1	Thôn Trung Quan 2	Thôn Trung Quan 3	Sau sáp nhập
Số hộ	538	441	346	1325
Dân số	1966	1734	1208	4908
Diện tích (km ²)	1,1006	1,241	1,1068	2,3478
Số đảng viên	43	40	27	10
Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng	1	1	1	3
Người hoạt động không chuyên trách	3	3	3	5 (Giảm 4) (BT, TT, MT, 2 Phó thôn)

2.7. Thôn Chử Xá

Thôn Chử Xá được thành lập trên cơ sở sáp nhập Thôn Chử Xá và Thôn Sơn Hồ. Thôn Sơn Hồ hiện có quy mô nhỏ, chưa đạt tiêu chuẩn về số hộ gia đình theo quy định; đồng thời có vị trí địa lý liền kề với Thôn Chử Xá, cộng đồng dân cư có nhiều nét tương đồng về lịch sử, văn hóa, tín ngưỡng và sinh hoạt cộng đồng. Sau sắp xếp, thôn có 1.014 hộ gia đình và 3.680 nhân khẩu. Tên gọi **Chử Xá** được giữ nguyên nhằm kế thừa địa danh truyền thống đã được sử dụng ổn định từ nhiều năm. Ranh giới thôn được xác định trên cơ sở địa giới tự nhiên và hiện trạng dân cư của hai thôn trước khi sáp nhập. Chi bộ, Ban Công tác Mặt trận và các tổ chức đoàn thể được hợp nhất, kiện toàn theo quy định; các công trình văn hóa hiện có tiếp tục được sử dụng phục vụ Nhân dân. Việc sắp xếp góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở, tăng cường sự gắn kết cộng đồng và sử dụng hiệu quả nguồn lực đầu tư.

Nội dung	Thôn Trung Quan 2	Thôn Trung Quan 3	Sau sáp nhập
Số hộ	829	185	1014
Dân số	3004	676	3680
Diện tích (km ²)	2,0948	0,6362	2,731
Số đảng viên	56	21	77
Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng	1	1	2
Người hoạt động không chuyên trách	3	3	5 (Giảm 1) (BT, TT, MT, 2 Phó thôn)

2.8. Thôn 1 Kim Lan

Thôn 1 Kim Lan được thành lập trên cơ sở sáp nhập toàn bộ Thôn 1 Kim Lan, Thôn 2 Kim Lan và hai phần ba Thôn 3 Kim Lan (*Trục đường xuống Trường Tiểu học Kim Lan, tính từ đoạn đầu đường liên xã Kim Lan chạy thẳng qua Trường Tiểu học và chạy hết vào ngõ xóm nhà trong cùng là hộ ông Cường Hòa hất lên phía Thôn 2*). Việc sắp xếp nhằm bảo đảm tiêu chuẩn quy mô hộ gia đình theo quy định, đồng thời tạo sự hợp lý trong phân bố dân cư và tổ chức quản lý trên địa bàn. Sau sắp xếp, thôn có quy mô 1.051 hộ gia đình và 3.608 nhân khẩu. Tên gọi Thôn 1 Kim Lan được lựa chọn trên cơ sở kế thừa địa danh truyền thống của khu vực. Ranh giới thôn được xác định theo các tuyến đường giao thông, khu dân cư hiện trạng và địa bàn dân cư thuộc phạm vi sắp xếp. Hệ thống chính trị ở cơ sở được kiện toàn đồng bộ; nhà văn hóa và các thiết chế cộng đồng hiện có tiếp tục được sử dụng phục vụ Nhân dân. Việc thành lập thôn mới không làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của người dân, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý và tổ chức các hoạt động cộng đồng.

Nội dung	Thôn 1 Kim Lan	Thôn 2 Kim Lan	2/3 Thôn 3 Kim Lan	Sau sáp nhập
Số hộ	250	470	331	1051
Dân số	851	1647	1110 (1858)	3608
Diện tích (km ²)	0,5799	0,5174	0,39	1,4873
Số đảng viên	17	31	36 (21)	69
Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng	1	2	1	4
Người hoạt động không chuyên trách	3	3	3	5 (Giảm 4) (BT, TT, MT, 2 Phó thôn)

2.9. Thôn 2 Kim Lan

Thôn 2 Kim Lan được thành lập trên cơ sở phần còn lại của Thôn 3 Kim Lan (*Tính từ đoạn đầu đường trục chính Kim Lan, lối vào Trường Tiểu học chạy thẳng đến hết ngõ trong cùng nhà ông Cường Hòa hắt xuống phía dưới bên tay phải giáp với Thôn 5 Kim Lan*) cùng với toàn bộ diện tích và quy mô dân số của Thôn 4 Kim Lan và Thôn 5 Kim Lan hiện nay. Các thôn được sắp xếp đều có vị trí địa lý liền kề, có mối quan hệ gắn bó trong đời sống kinh tế, văn hóa và xã hội. Sau sắp xếp, thôn có quy mô 1.063 hộ gia đình và 3.685 nhân khẩu, bảo đảm tiêu chuẩn theo quy định. Tên gọi Thôn 2 Kim Lan được lựa chọn nhằm kế thừa truyền thống lịch sử, văn hóa của khu vực Kim Lan. Ranh giới thôn được xác định trên cơ sở địa bàn dân cư hiện hữu và các yếu tố tự nhiên, hạ tầng kỹ thuật hiện có. Sau khi thành lập, Chi bộ, Ban Công tác Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội được kiện toàn theo quy định; các thiết chế văn hóa, thể thao tiếp tục được quản lý, khai thác hiệu quả. Việc sắp xếp góp phần tinh gọn tổ chức ở cộng đồng dân cư, nâng cao hiệu quả quản lý, tạo điều kiện tập trung nguồn lực đầu tư phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân.

Nội dung	Thôn 4 Kim Lan	Thôn 5 Kim Lan	1/3 Thôn 3 Kim Lan	Sau sáp nhập
Số hộ	400	455	208	1063
Dân số	1355	1582	748 (1858)	3685
Diện tích (km ²)	0,3592	0,8289	0,075	1,2631
Số đảng viên	25	45	36 (15)	85
Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng	1	2	1	4

3. Phương án giữ nguyên

Qua rà soát theo tiêu chuẩn quy định, xã có 03 thôn đủ điều kiện về quy mô hộ gia đình nên không thực hiện sắp xếp, gồm: Thôn Đào Xuyên, Thôn Thuận Tốn, Thôn Khoan Tế.

Cả 03 thôn đều có quy mô trên 1.000 hộ gia đình, đáp ứng tốt tiêu chuẩn về số hộ, dân số và yêu cầu quản lý ở cộng đồng dân cư. Đồng thời, các thôn có địa bàn ổn định, ranh giới rõ ràng, hạ tầng phục vụ sinh hoạt cộng đồng được đầu tư tương đối đồng bộ, hệ thống chính trị ở cơ sở hoạt động hiệu quả và đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước tại địa phương.

Việc giữ nguyên 03 thôn nêu trên nhằm bảo đảm tính ổn định của cộng đồng dân cư, phát huy hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở, đồng thời phù hợp với điều kiện thực tiễn về quy mô dân số, đặc điểm địa lý và truyền thống văn hóa của địa phương.

STT	Tên thôn	Loại hình	Số hộ	Dân số	Lý do giữ nguyên
1	Thôn Đào Xuyên	Thôn	1026	3469	Đạt tiêu chuẩn, địa bàn ổn định
2	Thôn Thuận Tồn	Thôn	1243	4416	Đạt tiêu chuẩn, địa bàn ổn định
3	Thôn Khoan Tế	Thôn	1095	4082	Đạt tiêu chuẩn, địa bàn ổn định

VII. YÊU CẦU VỀ RANH GIỚI, BẢN ĐỒ VÀ DỮ LIỆU DÂN CƯ

Phương án xác định ranh giới các thôn sau sắp xếp được xây dựng trên cơ sở địa giới quản lý hiện trạng, bảo đảm rõ ràng, liên tục, không chồng lấn, không bỏ sót hộ gia đình và thuận lợi cho công tác quản lý nhà nước ở cơ sở. Ranh giới các thôn được nhận diện bằng các yếu tố tự nhiên và hạ tầng hiện có như sông Hồng, sông Cầu Bậy, đường đê Long Biên - Xuân Quan, đường Giáp Hải, đường Đa Tồn, đường Lý Thánh Tông, đường gom chân cầu Thanh Trì, hệ thống ao hồ, tuyến giao thông và các mốc địa vật đặc trưng khác.

UBND xã tổ chức rà soát, cập nhật và đối chiếu dữ liệu dân cư, danh sách hộ gia đình, cử tri đại diện hộ gia đình, hồ sơ quản lý địa bàn và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành có liên quan nhằm bảo đảm thống nhất với phương án sắp xếp. Hồ sơ kèm theo Đề án bao gồm sơ đồ hiện trạng, sơ đồ ranh giới các thôn sau sắp xếp và bảng mô tả ranh giới bằng lời để phục vụ công tác công bố, bàn giao, lưu trữ, kiểm tra và quản lý lâu dài.

Ranh giới các thôn sau sắp xếp theo biểu tổng hợp dưới đây:

TT	Tên thôn/TDP sau sắp xếp	Ranh giới phía Đông	Ranh giới phía Tây	Ranh giới phía Nam	Ranh giới phía Bắc	Mốc/tuyến nhận diện chính
1	Thôn Giang Cao	Giáp đường đê Long Biên – Xuân Quan	Giáp sông Hồng	Đến hết địa phận thôn 3 Giang Cao (cũ)	Đến hết địa phận thôn 1 Giang Cao (cũ)	Đường/ngõ/tòa nhà/sông/hồ/ranh giới tự nhiên

TT	Tên thôn/TDP sau sắp xếp	Ranh giới phía Đông	Ranh giới phía Tây	Ranh giới phía Nam	Ranh giới phía Bắc	Mốc/tuyến nhận diện chính
2	Thôn Bát Tràng	Giáp đường đê Long Biên – Xuân Quan	Giáp sông Hồng	Đến hết địa phận thôn 1 Làng cổ Bát Tràng (cũ) và thôn 2 Bát Tràng (cũ)	Đến hết địa phận thôn 1 Làng cổ Bát Tràng (cũ) và thôn 2 Bát Tràng (cũ)	Đường/ngõ/tòa nhà/sông/hồ/ranh giới tự nhiên
3	Thôn Thượng Đông Dư	Giáp đường Giáp Hải và toàn bộ thôn 6 Đông Dư (cũ)	Giáp đường đê Long Biên – Xuân Quan	Đến hết địa phận thôn 1 Đông Dư (cũ) và thôn 2 Đông Dư (cũ)	Giáp đường gom chân Cầu Thanh Trì	Đường/ngõ/tòa nhà/sông/hồ/ranh giới tự nhiên
4	Thôn Hạ Đông Dư	Giáp đường Giáp Hải	Giáp đường đê Long Biên - Xuân Quan và giáp sông Hồng	Đến hết địa phận thôn 5 Đông Dư (cũ)	Đến hết địa phận thôn 3 Đông Dư (cũ) và thôn 4 Đông Dư (cũ)	Đường/ngõ/tòa nhà/sông/hồ/ranh giới tự nhiên
5	Thôn Đa Tốn	Giáp sông Cầu Bậy	Đến hết khu vực đất nông nghiệp thôn Lê Xá (cũ) và thôn Ngọc Động (cũ)	Đến hết địa phận thôn Ngọc Động (cũ), giáp xã Gia Lâm	Đến hết địa phận thôn Lê Xá (cũ)	Đường/ngõ/tòa nhà/sông/hồ/ranh giới tự nhiên
6	Thôn Đào Xuyên	Giáp sông Cầu Bậy; giáp thôn Lê Xá (cũ)	Đến hết địa phận thôn Đào Xuyên; giáp thôn Thuận Tốn	Giáp đường Đa Tốn	Giáp sông Cầu Bậy	Đường/ngõ/tòa nhà/sông/hồ/ranh giới tự nhiên
7	Thôn Thuận Tốn	Đến hết địa phận thôn Thuận Tốn; giáp thôn Đào Xuyên	Giáp đường đê Long Biên - Xuân Quan	Đến hết địa phận thôn Thuận Tốn, khu vực trực đường Đa Tốn	Giáp đường Lý Thánh Tông	Đường/ngõ/tòa nhà/sông/hồ/ranh giới tự nhiên
8	Thôn Khoan Tế	Đến hết địa phận thôn Khoan Tế	Giáp chuối ao, hồ Thuận Tốn; đường Giáp Hải	Đến hết địa phận thôn Khoan Tế, giáp tỉnh Hưng Yên	Giáp đường Đa Tốn	Đường/ngõ/tòa nhà/sông/hồ/ranh giới tự nhiên
9	Thôn Trung Quan	Giáp địa phận xã Kim Lan (cũ)	Giáp sông Hồng	Đến hết địa phận thôn Trung Quan 2 (cũ) và thôn Trung Quan 3 (cũ)	Đến hết địa phận thôn Trung Quan 1 (cũ)	Đường/ngõ/tòa nhà/sông/hồ/ranh giới tự nhiên
10	Thôn Chử Xá	Giáp địa phận tỉnh Hưng Yên	Giáp sông Hồng	Đến hết địa phận thôn Sơn Hồ (cũ)	Đến hết địa phận thôn Chử Xá (cũ)	Đường/ngõ/tòa nhà/sông/hồ/ranh giới tự nhiên
11	Thôn 1 Kim Lan	Giáp địa phận tỉnh Hưng Yên	Giáp sông Hồng	Đến hết địa phận thôn 2 Kim Lan (cũ) và 2/3 thôn 3 Kim Lan (cũ)	Đến hết địa phận thôn 1 Kim Lan (cũ)	Đường/ngõ/tòa nhà/sông/hồ/ranh giới tự nhiên

TT	Tên thôn/TDP sau sắp xếp	Ranh giới phía Đông	Ranh giới phía Tây	Ranh giới phía Nam	Ranh giới phía Bắc	Mốc/tuyến nhận diện chính
12	Thôn 2 Kim Lan	Giáp địa phận tỉnh Hưng Yên	Giáp sông Hồng	Đến hết địa phận thôn 5 Kim Lan (cũ) và 1/3 thôn 3 Kim Lan (cũ)	Đến hết địa phận thôn 4 Kim Lan (cũ) và 1/3 thôn 3 Kim Lan (cũ)	Đường/ngõ/tòa nhà/sông/hồ/ranh giới tự nhiên

VIII. TỔ CHỨC LẤY Ý KIẾN NHÂN DÂN

1. Đối tượng, nội dung và hình thức lấy ý kiến

Việc lấy ý kiến Nhân dân được thực hiện đối với cử tri đại diện hộ gia đình tại các thôn chịu tác động trực tiếp bởi phương án sắp xếp, hợp nhất thôn; các thôn giữ nguyên hiện trạng thực hiện công khai Đề án để Nhân dân biết, giám sát theo quy định.

Nội dung lấy ý kiến gồm sự cần thiết sắp xếp; phương án sắp xếp; tên gọi; ranh giới; phương án sử dụng nhà văn hóa, điểm sinh hoạt cộng đồng.

UBND xã tổ chức lấy ý kiến Nhân dân bằng hình thức hội nghị cử tri đại diện hộ gia đình kết hợp với phát phiếu lấy ý kiến. Hội nghị được tổ chức công khai, dân chủ, bảo đảm để cử tri được thảo luận, đóng góp ý kiến đối với các nội dung của Đề án. Trường hợp số lượng cử tri đại diện hộ gia đình tham dự hội nghị không đạt từ 50% tổng số cử tri đại diện hộ gia đình của thôn trở lên theo quy định, các thôn sẽ tổ chức phát phiếu lấy ý kiến đến các cử tri đại diện hộ gia đình chưa tham dự hội nghị để tiếp tục lấy ý kiến. Việc phát, thu phiếu, kiểm phiếu và tổng hợp kết quả được thực hiện công khai, khách quan, đúng quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở. Kết quả lấy ý kiến Nhân dân được tổng hợp, lập biên bản, lưu trữ hồ sơ đầy đủ và là căn cứ để hoàn thiện Đề án sắp xếp thôn trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

2. Hồ sơ chứng minh việc lấy ý kiến

- Kế hoạch lấy ý kiến Nhân dân;
- Tài liệu tóm tắt phương án sắp xếp;
- Danh sách cử tri đại diện hộ gia đình theo từng thôn trên địa bàn xã;
- Phiếu lấy ý kiến hoặc biên bản hội nghị cử tri đại diện hộ gia đình;
- Biên bản kiểm phiếu/tổng hợp phiếu lấy ý kiến;
- Bảng tổng hợp kết quả lấy ý kiến Nhân dân;
- Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến Nhân dân, nhất là các ý kiến không đồng ý hoặc kiến nghị khác;
- Tài liệu công khai kết quả lấy ý kiến tại địa bàn dân cư.

3. Mẫu tổng hợp kết quả lấy ý kiến

STT	Địa bàn lấy ý kiến	Tổng số hộ	Số hộ tham gia	Đồng ý	Tỷ lệ	Không đồng ý	Tỷ lệ	Ý kiến khác
1	Thôn/TDP%%	...
2%%	...
3
4
5%%	...
6%%	...

IX. PHƯƠNG ÁN KIẾN TOÀN TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ SAU SẮP XẾP

1. Kiến toàn tổ chức đảng, Mặt trận và các chi hội đoàn thể

Sau khi phương án sắp xếp thôn được cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện, Đảng ủy xã lãnh đạo, chỉ đạo việc rà soát, sắp xếp, kiến toàn các tổ chức trong hệ thống chính trị ở thôn theo quy định, bảo đảm đồng bộ với địa giới và quy mô dân cư của thôn mới, giữ vững vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng, không làm gián đoạn các hoạt động ở cơ sở.

Đối với tổ chức đảng, thực hiện rà soát, sắp xếp, kiến toàn các chi bộ thôn sau sắp xếp theo quy định của Điều lệ Đảng và hướng dẫn của cấp có thẩm quyền; xem xét hợp nhất, thành lập mới hoặc điều chỉnh phạm vi lãnh đạo của chi bộ phù hợp với địa bàn, quy mô dân số và số lượng đảng viên của từng thôn.

Ủy ban MTTQ Việt Nam xã chủ trì, phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện rà soát, kiến toàn Ban Công tác Mặt trận ở thôn; sắp xếp, củng cố các chi hội, chi đoàn của các tổ chức đoàn thể như Hội Cựu chiến binh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên và các tổ chức khác theo quy định của pháp luật, điều lệ của từng tổ chức và hướng dẫn của cấp trên.

Việc kiến toàn tổ chức đảng, Ban Công tác Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội ở thôn được thực hiện bảo đảm dân chủ, công khai, khách quan; kế thừa đội ngũ cán bộ có năng lực, uy tín, kinh nghiệm công tác; góp phần ổn định tổ chức, tăng cường hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở sau sắp xếp.

2. Phương án người hoạt động không chuyên trách ở thôn

a) Hiện trạng sử dụng người hoạt động không chuyên trách ở thôn

Hiện nay, xã Bát Tràng có 26 thôn, tại các thôn thuộc diện sắp xếp đều đã được bố trí đầy đủ các chức danh người hoạt động không chuyên trách theo quy định tại Nghị định 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ. Đội ngũ người hoạt động không chuyên trách ở thôn cơ bản có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có uy tín trong Nhân dân, am hiểu địa bàn, có kinh nghiệm trong công tác vận động quần chúng và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ ở cơ sở.

Trên địa bàn xã Bát Tràng có 70 người hoạt động không chuyên trách ở thôn, trong đó 26 Bí thư chi bộ (*trong đó Bí thư Chi bộ kiêm nhiệm Trưởng ban công tác*

mặt trận thôn: 03 người, kiêm nhiệm Trưởng thôn: 05 người), 21 Trưởng thôn, 23 Trưởng ban Công tác Mặt trận thôn. Ngoài ra, có 17 Phó Trưởng thôn đang thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác tại các thôn.

b) Nguyên tắc sắp xếp, bố trí người hoạt động không chuyên trách ở thôn

- Về số lượng người người hoạt động không chuyên trách ở thôn:

+ Theo quy định tại Điều 20 Nghị quyết số 21/2026/NQ-HĐND ngày 02/6/2026 của HĐND thành phố Hà Nội về số lượng, chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Hà Nội:

“1. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố gồm các chức danh: Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố; Bí thư chi bộ; Trưởng Ban công tác Mặt trận; Phó Trưởng thôn hoặc Phó Tổ trưởng tổ dân phố.

2. Số lượng người hoạt động không chuyên trách ở mỗi thôn, tổ dân phố không quá 05 người. Việc bố trí cụ thể phải căn cứ quy mô dân cư, đặc điểm địa bàn, tính chất phức tạp, khối lượng công việc, yêu cầu tổ chức hoạt động của cộng đồng dân cư và không thực hiện bình quân, cào bằng.”

+ Theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 21/2026/NQ-HĐND ngày 02/6/2026 của HĐND thành phố Hà Nội về tổ chức của thôn, tổ dân phố:

“Căn cứ quy mô số hộ gia đình, đặc điểm địa bàn, tính chất phức tạp và khối lượng công việc, mỗi thôn, tổ dân phố được bố trí từ 01 đến 02 Phó Trưởng thôn hoặc Phó Tổ trưởng tổ dân phố, cụ thể:

a) Đối với thôn có từ 800 hộ gia đình trở lên; tổ dân phố có từ 1.000 hộ gia đình trở lên; thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã trọng điểm về quốc phòng, an ninh, trật tự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; thôn đặc biệt khó khăn được bố trí tối đa 02 Phó Trưởng thôn hoặc Phó Tổ trưởng tổ dân phố”

- Về tiêu chuẩn của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố

Thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị quyết số 21/2026/NQ-HĐND ngày 02/6/2026 của HĐND thành phố Hà Nội:

“1. Là công dân Việt Nam, cư trú thường xuyên tại thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã; từ 21 tuổi trở lên và không quá 70 tuổi, ưu tiên người trong độ tuổi lao động theo quy định; trường hợp đặc biệt quá 70 tuổi do Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định; có đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

2. Có phẩm chất đạo đức tốt, gương mẫu; có uy tín trong cộng đồng dân cư; được Nhân dân tín nhiệm; bản thân và gia đình gương mẫu về đạo đức, lối sống, chấp hành tốt chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

3. Có trình độ học vấn tốt nghiệp trung học phổ thông, có trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên phù hợp với yêu cầu hoạt động của thôn, tổ dân phố. Trường hợp địa bàn có khó khăn về nguồn nhân sự hoặc có yếu tố đặc thù về điều kiện dân cư, lịch sử, văn hóa, phong tục, tập quán, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định người có trình độ phù hợp với điều kiện thực tế nhưng phải bảo đảm uy tín, sức khỏe, năng lực

vận động Nhân dân và khả năng hoàn thành nhiệm vụ.

4. Có khả năng hòa giải, xử lý tình huống phát sinh trong cộng đồng dân cư; có năng lực lập kế hoạch, tổng hợp, thống kê, báo cáo và phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

5. Không trong thời gian bị xử lý kỷ luật, bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang chấp hành bản án, quyết định của Tòa án; không thuộc trường hợp bị pháp luật cấm đảm nhiệm nhiệm vụ theo quy định.”

c) Phương án sắp xếp, bố trí người hoạt động không chuyên trách ở thôn

Theo các quy định trên của Nghị quyết số 21/2026/NQ-HĐND ngày 02/6/2026 của HĐND thành phố Hà Nội, sau sắp xếp, tổ chức lại các thôn trên địa bàn, dự kiến xã Bát Tràng có 12 thôn với quy mô số hộ gia đình đảm bảo tiêu chuẩn có từ 800 hộ gia đình trở lên được phép bố trí tối đa 05 người hoạt động không chuyên trách ở mỗi thôn. Như vậy, dự kiến tổng số người hoạt động không chuyên trách ở thôn trên địa bàn xã Bát Tràng là 60 người.

Các thôn sau sắp xếp có dân số đông, địa bàn rộng, khối lượng công việc lớn phát sinh phục vụ công tác quản lý ngày càng cao. Việc bố trí đội ngũ người hoạt động không chuyên trách ở thôn cần bảo đảm đủ số lượng, cơ cấu chức danh theo quy định để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, duy trì hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở. Trên cơ sở quy định hiện hành và điều kiện thực tế của địa phương, các thôn sau sắp xếp dự kiến được bố trí đầy đủ các chức danh gồm: Bí thư Chi bộ, Trưởng thôn, Trưởng Ban Công tác Mặt trận và 02 Phó Trưởng thôn.

Việc bố trí người hoạt động không chuyên trách ở thôn sau sắp xếp, tổ chức lại thôn cần bảo đảm ổn định tình hình ở cơ sở, phát huy năng lực, kinh nghiệm thực tiễn và uy tín của đội ngũ hiện có; từ đó lựa chọn những người đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định hiện hành, phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của thôn sau sắp xếp. Việc lựa chọn, giới thiệu nhân sự thực hiện công khai, dân chủ, đúng quy trình và thẩm quyền theo quy định. Dự kiến sau sắp xếp, tổ chức lại các thôn trên địa bàn xã, số lượng người hoạt động không chuyên trách thôn giảm 27 người so với trước khi sắp xếp.

Đối với người hoạt động không chuyên trách không tiếp tục tham gia công tác sau sắp xếp, tổ chức lại thôn được rà soát, đánh giá nhu cầu, nguyện vọng để xem xét, bố trí tham gia các tổ chức tự quản, tổ hòa giải, tổ an ninh trật tự ở cơ sở hoặc các nhiệm vụ khác phù hợp với điều kiện thực tế tại từng thôn và thực hiện chế độ, chính sách tinh giản biên chế đối với các trường hợp đủ điều kiện theo quy định của Chính phủ, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

X. TÁC ĐỘNG CỦA PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP

1. Tác động về tổ chức

Việc sắp xếp thôn trên địa bàn xã làm giảm từ 26 thôn xuống còn 12 thôn, giảm 14 thôn, tương ứng giảm 14 đầu mỗi tổ chức tự quản ở cộng đồng dân cư. Qua đó góp phần thực hiện chủ trương tinh gọn tổ chức, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở; giảm đầu mỗi quản lý, tạo thuận lợi cho công tác

lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền và hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở địa phương.

Sau sắp xếp, quy mô dân số, số hộ gia đình và địa bàn của các thôn được mở rộng, bảo đảm phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch không gian và yêu cầu quản lý trong tình hình mới; đồng thời tạo điều kiện tập trung nguồn lực đầu tư cơ sở hạ tầng, nâng cao chất lượng hoạt động tự quản của cộng đồng dân cư và hiệu quả tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chính trị tại địa bàn thôn.

2. Tác động về người hoạt động không chuyên trách

Trước khi sắp xếp, toàn xã có 26 thôn với 70 người hoạt động không chuyên trách ở 03 chức danh gồm: Bí thư Chi bộ, Trưởng thôn và Trưởng ban Công tác Mặt trận thôn (không tính 17 Phó thôn).

Sau sắp xếp, dự kiến còn 12 thôn. Theo quy định hiện hành, số lượng người hoạt động không chuyên trách ở 03 chức danh nêu trên là 36 người, giảm 34 người so với trước khi sắp xếp. Theo dự thảo Nghị quyết của HĐND Thành phố về chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố, chức danh Phó thôn dự kiến được xác định là người hoạt động không chuyên trách; đồng thời thôn có từ 800 hộ gia đình trở lên được bố trí không quá 02 Phó thôn, thôn dưới 800 hộ gia đình được bố trí 01 Phó thôn. Vì vậy, số lượng người hoạt động không chuyên trách sau sắp xếp có thể thay đổi theo quy định chính thức được cấp có thẩm quyền ban hành và quy mô của từng thôn mới.

Việc sắp xếp, kiện toàn đội ngũ người hoạt động không chuyên trách ở thôn sau sắp xếp được thực hiện trên cơ sở rà soát, đánh giá toàn diện về phẩm chất, năng lực, trình độ, uy tín và yêu cầu nhiệm vụ của từng thôn; đồng thời bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan, đúng quy định. Đối với những trường hợp không tiếp tục bố trí công tác, việc giải quyết chế độ, chính sách sẽ được thực hiện đầy đủ theo quy định hiện hành, bảo đảm quyền lợi chính đáng, góp phần ổn định tư tưởng và tạo sự đồng thuận trong quá trình triển khai Đề án.

3. Tác động về ngân sách

Việc sắp xếp thôn góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước thông qua việc giảm đầu mỗi tổ chức ở cộng đồng dân cư, tạo điều kiện thuận lợi cho việc bố trí, quản lý và sử dụng các nguồn lực phục vụ hoạt động của thôn. Đồng thời, việc tập trung đầu mỗi quản lý cũng góp phần giảm chi phí hành chính, nâng cao hiệu quả đầu tư, khai thác và sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ hoạt động của cộng đồng dân cư.

Trong giai đoạn triển khai Đề án, ngân sách địa phương dự kiến phát sinh một số khoản chi phục vụ công tác sắp xếp như: tổ chức tuyên truyền, lấy ý kiến Nhân dân; in ấn tài liệu, biểu mẫu; chỉnh lý hồ sơ, tài liệu liên quan; cập nhật cơ sở dữ liệu quản lý; thay đổi biển tên, con dấu (nếu có); sắp xếp, bố trí và nâng cấp cơ sở vật chất, nhà văn hóa, điểm sinh hoạt cộng đồng của các thôn sau sắp xếp; thực hiện các chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách và các đối tượng liên quan theo quy định.

Tuy nhiên, đây chủ yếu là các khoản chi mang tính một lần trong quá trình thực hiện sắp xếp. Về lâu dài, việc tổ chức lại các thôn theo hướng tinh gọn, phù hợp về

quy mô dân số và địa bàn quản lý sẽ góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng ngân sách và các nguồn lực của địa phương.

4. Tác động đến người dân

Việc sắp xếp thôn không làm thay đổi địa giới hành chính cấp xã, không làm thay đổi quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân theo quy định của pháp luật. Các chế độ, chính sách mà người dân đang được hưởng tiếp tục được thực hiện theo quy định hiện hành.

Việc sắp xếp thôn không làm thay đổi các địa danh truyền thống, di tích lịch sử - văn hóa, tín ngưỡng, phong tục, tập quán tốt đẹp của cộng đồng dân cư; các giá trị văn hóa đặc trưng của từng khu dân cư tiếp tục được bảo tồn và phát huy.

Việc sắp xếp chủ yếu làm thay đổi tên gọi, quy mô và phạm vi quản lý của thôn; không ảnh hưởng đến quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng đất và các giao dịch dân sự hợp pháp của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân. Các loại giấy tờ pháp lý đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp vẫn tiếp tục có giá trị sử dụng theo quy định của pháp luật; việc cập nhật, điều chỉnh thông tin liên quan đến tên thôn được thực hiện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

Bên cạnh đó, trong thời gian đầu sau sắp xếp, một bộ phận người dân có thể cần thời gian để thích nghi với tên gọi mới, phạm vi thôn mới, địa điểm sinh hoạt cộng đồng hoặc phương thức tổ chức các hoạt động của thôn sau sắp xếp. Tuy nhiên, về lâu dài, việc hình thành các thôn có quy mô phù hợp hơn sẽ tạo điều kiện nâng cao chất lượng hoạt động tự quản của cộng đồng dân cư, tăng cường khả năng huy động nguồn lực xã hội, nâng cao hiệu quả tổ chức các phong trào, cuộc vận động và phục vụ người dân tốt hơn.

5. Tác động đến quản lý nhà nước

Sau khi sắp xếp, số lượng thôn trên địa bàn xã giảm, góp phần tinh gọn đầu mối quản lý ở cộng đồng dân cư, tạo điều kiện để chính quyền địa phương nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ tại cơ sở. Việc giảm đầu mối thôn giúp tăng cường tính thống nhất trong quản lý địa bàn, nâng cao chất lượng phối hợp giữa chính quyền với các tổ chức chính trị - xã hội và cộng đồng dân cư.

Đồng thời, việc tổ chức lại các thôn theo quy mô phù hợp tạo thuận lợi cho công tác quản lý dân cư, cập nhật và khai thác cơ sở dữ liệu, triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số, cung cấp dịch vụ công, cải cách hành chính, tuyên truyền và tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Công tác bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, trật tự đô thị, vệ sinh môi trường, phòng cháy chữa cháy, phòng chống thiên tai và các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn cũng được triển khai đồng bộ, hiệu quả hơn.

Tuy nhiên, trong thời gian đầu sau sắp xếp, UBND xã cần tập trung thực hiện công tác tuyên truyền, kiện toàn tổ chức, cập nhật thông tin quản lý và ổn định hoạt động của các thôn mới nhằm bảo đảm quá trình chuyển tiếp diễn ra thuận lợi, không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên và phục vụ Nhân dân.

XI. THẨM QUYỀN, HỒ SƠ VÀ TRÌNH TỰ TRÌNH QUYẾT ĐỊNH

1. Thẩm quyền quyết định

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố cùng các văn bản hướng dẫn có liên quan, Hội đồng nhân dân xã Bát Tràng có thẩm quyền quyết định việc thành lập, sắp xếp, tổ chức lại, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn trên địa bàn xã.

UBND xã Bát Tràng có trách nhiệm xây dựng Đề án, tổ chức lấy ý kiến Nhân dân, hoàn thiện hồ sơ và trình HĐND xã xem xét, quyết định theo quy định.

2. Trình tự thực hiện

- UBND xã Bát Tràng tổ chức rà soát hiện trạng, đánh giá điều kiện, tiêu chuẩn các thôn; xây dựng phương án và Đề án sắp xếp thôn trên địa bàn xã.

- Tổ chức công khai Đề án và lấy ý kiến cử tri đại diện hộ gia đình tại các thôn trên địa bàn xã theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

- Tổng hợp kết quả lấy ý kiến Nhân dân; tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý.

- Báo cáo Đảng ủy xã xem xét, cho ý kiến đối với phương án sắp xếp thôn.

- Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã trong quá trình tuyên truyền, vận động và hoàn thiện hồ sơ.

- UBND xã lập hồ sơ trình Hội đồng nhân dân xã xem xét, ban hành Nghị quyết về sắp xếp thôn trên địa bàn xã.

Sau khi Nghị quyết của HĐND xã được thông qua, UBND xã Bát Tràng tổ chức công bố danh sách các thôn sau sắp xếp; thực hiện kiện toàn các chức danh ở thôn; bàn giao hồ sơ, tài sản, cơ sở vật chất; điều chỉnh các loại sổ sách quản lý và các nội dung có liên quan để bảo đảm hoạt động ổn định, liên tục của các thôn mới.

3. Hồ sơ trình HĐND xã xem xét, quyết định gồm:

1. Tờ trình của UBND xã;
2. Đề án sắp xếp thôn;
3. Dự thảo Nghị quyết của HĐND xã;
4. Báo cáo tổng hợp hiện trạng thôn;
5. Danh sách thôn trước và sau sắp xếp;
6. Bản đồ hoặc sơ đồ ranh giới thôn trước và sau sắp xếp;
7. Biên bản, phiếu lấy ý kiến, biên bản kiểm phiếu và bảng tổng hợp kết quả lấy ý kiến Nhân dân;
8. Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến Nhân dân;
9. Văn bản của Đảng ủy xã cho ý kiến về phương án sắp xếp;
10. Văn bản của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã;
11. Phương án kiện toàn tổ chức, nhân sự, người hoạt động không chuyên trách ở thôn;
12. Dự toán kinh phí thực hiện;
13. Các tài liệu khác có liên quan.

XII. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

Giai đoạn	Thời gian dự kiến	Nội dung chủ yếu	Cơ quan chủ trì/ phối hợp
1. Rà soát, xây dựng phương án	Trước ngày 13/6/2026	Rà soát số liệu, ranh giới, dân cư, nhân sự, cơ sở vật chất; xây dựng dự thảo Đề án	Phòng Văn hóa - Xã hội, Phòng Kinh tế
2. Lấy ý kiến Nhân dân	Từ 13-20/6/2026	Công khai phương án; tổ chức hội nghị/phát phiếu; tổng hợp, tiếp thu, giải trình	UBND xã (Phòng VHXX); MTTQ; các thôn.
3. Trình HĐND xã/phường	Từ 20-25/6/2026	Hoàn thiện hồ sơ; trình kỳ họp HĐND xã xem xét, quyết định	UBND xã: Phòng VHXX, Văn phòng HĐND và UBND
4. Tổ chức thực hiện	Từ 01-31/7/2026	Công bố nghị quyết; kiện toàn tổ chức, nhân sự; bàn giao hồ sơ, tài sản; cập nhật dữ liệu	UBND xã và các cơ quan liên quan

XIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ủy ban nhân dân xã

Chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Đề án sắp xếp thôn trên địa bàn xã; chủ trì rà soát hiện trạng tổ chức thôn, quy mô dân số, số hộ gia đình, địa giới, ranh giới quản lý, cơ sở vật chất, nhà văn hóa, điểm sinh hoạt cộng đồng và đội ngũ người hoạt động không chuyên trách ở thôn; xây dựng phương án và hoàn thiện Đề án sắp xếp thôn theo quy định, chỉ đạo, triển khai thực hiện một số nội dung sau:

- Công khai Đề án, tuyên truyền, vận động và lấy ý kiến cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình đối với các thôn thuộc diện sắp xếp; tổng hợp, tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý của Nhân dân; hoàn thiện hồ sơ trình Hội đồng nhân dân xã xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

- Sau khi Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã được thông qua, tổ chức công bố và triển khai thực hiện phương án sắp xếp; kiện toàn tổ chức ở thôn, sắp xếp, bố trí người hoạt động không chuyên trách, quản lý và sử dụng tài sản công, nhà văn hóa, điểm sinh hoạt cộng đồng; thực hiện cập nhật, chỉnh lý hồ sơ, cơ sở dữ liệu quản lý nhà nước và các nội dung có liên quan theo quy định.

- Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra quá trình thực hiện; kịp thời giải quyết hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh; bảo đảm việc sắp xếp thôn diễn ra ổn định, hiệu quả, không làm ảnh hưởng đến hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở và đời sống của Nhân dân.

2. Văn phòng HĐND và UBND xã

Tham mưu UBND xã trong việc xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai Đề án; phối hợp chuẩn bị hồ sơ trình HĐND xã xem xét, quyết định việc sắp xếp thôn theo quy định. Thực hiện rà soát thể thức, kỹ thuật trình bày các văn bản, tờ trình, dự

thảo nghị quyết, phụ lục và các tài liệu có liên quan; bảo đảm hồ sơ trình cấp có thẩm quyền đầy đủ, đúng quy định.

Phối hợp với Phòng VHXXH và các thôn trong việc tổng hợp số liệu, hoàn thiện hồ sơ, tổ chức lấy ý kiến Nhân dân, tổng hợp kết quả lấy ý kiến và tham mưu công tác công khai thông tin về Đề án.

Tham mưu chuẩn bị các điều kiện phục vụ kỳ họp HĐND xã xem xét, thông qua Nghị quyết; theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Nghị quyết sau khi được thông qua; tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện và tham mưu UBND xã báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

3. Phòng Văn hóa - Xã hội xã.

Là cơ quan thường trực, chủ trì tham mưu UBND xã triển khai thực hiện Đề án sắp xếp thôn trên địa bàn xã. Chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan và các thôn tổ chức rà soát hiện trạng tổ chức thôn, quy mô dân số, số hộ gia đình, ranh giới quản lý, cơ sở vật chất, nhà văn hóa, điểm sinh hoạt cộng đồng và các điều kiện liên quan phục vụ việc xây dựng Đề án.

Chủ trì tham mưu xây dựng phương án, Đề án sắp xếp thôn; kế hoạch triển khai, tờ trình, báo cáo, dự thảo nghị quyết và các tài liệu liên quan; tổng hợp số lượng thôn trước và sau sắp xếp; tham mưu phương án sử dụng nhà văn hóa, điểm sinh hoạt cộng đồng và các thiết chế văn hóa ở cơ sở sau sắp xếp.

Phối hợp rà soát, đánh giá các yếu tố về lịch sử hình thành, truyền thống văn hóa, phong tục, tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo và đặc điểm cộng đồng dân cư của từng thôn; tham mưu việc đặt tên, đổi tên thôn bảo đảm phù hợp với yếu tố lịch sử, văn hóa, địa danh truyền thống và quy định của pháp luật.

Chủ trì tham mưu UBND xã tổ chức lấy ý kiến Nhân dân; tổng hợp kết quả lấy ý kiến, tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý; hoàn thiện hồ sơ trình HĐND xã xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

Phối hợp tham mưu phương án kiện toàn tổ chức và bố trí người hoạt động không chuyên trách ở thôn sau sắp xếp; theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết của HĐND xã; kịp thời tham mưu UBND xã giải quyết hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

4. Phòng Kinh tế xã

Phối hợp với Phòng Văn hóa - Xã hội và các cơ quan, đơn vị có liên quan rà soát hiện trạng địa bàn, quy mô dân cư, ranh giới quản lý của các thôn; tham gia đánh giá sự phù hợp của phương án sắp xếp thôn với định hướng phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất và yêu cầu quản lý địa bàn của địa phương.

Phối hợp rà soát, xác định ranh giới, phạm vi quản lý của các thôn sau sắp xếp; tham mưu việc chỉnh lý các tài liệu, sơ đồ, bản đồ và dữ liệu có liên quan phục vụ công tác quản lý nhà nước theo quy định.

Chủ trì hoặc phối hợp rà soát hiện trạng, tham mưu phương án quản lý, sử dụng hiệu quả nhà văn hóa, điểm sinh hoạt cộng đồng, công trình hạ tầng kỹ thuật và các

tài sản công khác của thôn sau sắp xếp; bảo đảm khai thác hiệu quả cơ sở vật chất hiện có, tránh lãng phí nguồn lực.

Phối hợp tham mưu phương án sử dụng, khai thác các nhà văn hóa thôn dôi dư sau sắp xếp theo hướng phục vụ sinh hoạt cộng đồng, hoạt động văn hóa, giáo dục, thể thao hoặc các mục đích công cộng khác theo quy định.

Phối hợp tham mưu các giải pháp bảo đảm kết nối hạ tầng giao thông, vệ sinh môi trường, chiếu sáng công cộng, thoát nước và các điều kiện phục vụ đời sống dân sinh tại các thôn sau sắp xếp; góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng nguồn lực và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Phối hợp với Phòng Văn hóa - Xã hội và các đơn vị liên quan rà soát, xác định nhu cầu kinh phí phục vụ xây dựng và triển khai thực hiện Đề án sắp xếp thôn; tham mưu lập dự toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ như tuyên truyền, lấy ý kiến Nhân dân, in ấn tài liệu, tổ chức hội nghị, chỉnh lý hồ sơ, cập nhật dữ liệu quản lý, thay đổi biển tên thôn, sắp xếp cơ sở vật chất, nhà văn hóa, điểm sinh hoạt cộng đồng và các nhiệm vụ khác có liên quan.

Tham mưu UBND xã cân đối, bố trí nguồn kinh phí thực hiện Đề án theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; hướng dẫn việc quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, đúng mục đích và đúng quy định của pháp luật.

Theo dõi, phối hợp giải quyết các khó khăn, vướng mắc thuộc lĩnh vực phụ trách trong quá trình triển khai thực hiện Đề án; tham mưu UBND xã các giải pháp nhằm phát huy hiệu quả của việc sắp xếp thôn gắn với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn.

5. Công an xã

Phối hợp với Phòng Văn hóa - Xã hội và các cơ quan, đơn vị có liên quan rà soát số hộ gia đình, dân số, tình hình biến động dân cư, địa bàn quản lý và các thông tin phục vụ việc xây dựng Đề án sắp xếp thôn; tham gia đánh giá sự phù hợp của phương án sắp xếp đối với công tác quản lý dân cư và bảo đảm an ninh, trật tự trên địa bàn.

Phối hợp rà soát, tham gia ý kiến đối với phương án xác định ranh giới, phạm vi quản lý của các thôn sau sắp xếp; đánh giá tác động của việc sắp xếp thôn đối với công tác quản lý cư trú, quản lý dân cư, phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, trật tự công cộng và các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực công an.

Chủ động nắm tình hình, tham mưu UBND xã các giải pháp bảo đảm an ninh, trật tự trong quá trình tổ chức lấy ý kiến Nhân dân và triển khai thực hiện Đề án; kịp thời phát hiện, xử lý hoặc tham mưu xử lý các vấn đề phát sinh, không để ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn.

Phối hợp thực hiện việc cập nhật, chỉnh lý thông tin dân cư, dữ liệu quản lý có liên quan theo quy định; tham gia tuyên truyền, vận động Nhân dân chấp hành chủ trương sắp xếp thôn và các quy định của pháp luật có liên quan.

6. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã

Phối hợp với UBND xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về sắp xếp thôn; vận động Nhân dân đồng thuận, tích cực tham gia góp ý và thực hiện Đề án.

Phối hợp tổ chức lấy ý kiến cử tri đại diện hộ gia đình đối với các thôn thuộc diện sắp xếp; hướng dẫn, theo dõi việc thực hiện dân chủ ở cơ sở trong quá trình tổ chức lấy ý kiến Nhân dân, bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan và đúng quy định của pháp luật.

Chủ trì hoặc phối hợp nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, kiến nghị của Nhân dân liên quan đến việc sắp xếp thôn; tổng hợp, phản ánh và đề xuất với UBND xã xem xét, tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý của Nhân dân.

Thực hiện chức năng giám sát việc xây dựng và tổ chức thực hiện Đề án; phối hợp với các tổ chức thành viên tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân chấp hành Nghị quyết của HĐND xã về sắp xếp thôn sau khi được thông qua; góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân và tạo sự đồng thuận trong quá trình triển khai thực hiện.

7. Các tổ chức chính trị - xã hội xã

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với UBND xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về sắp xếp thôn; vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân đồng thuận, tích cực tham gia thực hiện Đề án.

Chủ động nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của đoàn viên, hội viên và Nhân dân; kịp thời phản ánh những khó khăn, vướng mắc, kiến nghị phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện để xem xét, giải quyết theo thẩm quyền hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền giải quyết.

Phối hợp tham gia tổ chức lấy ý kiến Nhân dân, giám sát việc thực hiện dân chủ ở cơ sở; vận động đoàn viên, hội viên gương mẫu chấp hành và thực hiện các chủ trương, nghị quyết liên quan đến việc sắp xếp thôn trên địa bàn.

Sau khi thực hiện sắp xếp thôn, chủ động rà soát, kiện toàn tổ chức và hoạt động của các chi hội, chi đoàn, tổ hội và các mô hình tự quản ở cộng đồng dân cư theo hướng tinh gọn, hiệu quả, phù hợp với quy mô, địa bàn và điều kiện thực tế của các thôn mới; bảo đảm duy trì ổn định các phong trào thi đua, các cuộc vận động và hoạt động của tổ chức tại cơ sở.

8. Bí thư Chi bộ, Trưởng thôn, Ban Công tác Mặt trận ở thôn

Có trách nhiệm phối hợp với UBND xã và các cơ quan, đơn vị liên quan trong quá trình xây dựng và triển khai Đề án sắp xếp thôn; cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin, số liệu về dân cư, số hộ gia đình, địa bàn quản lý, cơ sở vật chất, nhà văn hóa, điểm sinh hoạt cộng đồng, tài sản công và các nội dung có liên quan phục vụ việc xây dựng Đề án.

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến chủ trương, mục đích, yêu cầu và nội dung của phương án sắp xếp thôn; vận động Nhân dân đồng thuận, tích cực tham gia đóng góp ý kiến đối với Đề án. Chủ trì tổ chức hội nghị Nhân dân và phát phiếu lấy ý kiến cử

tri đại diện hộ gia đình theo quy định; bảo đảm việc lấy ý kiến được thực hiện dân chủ, công khai, minh bạch, đúng trình tự, thủ tục.

Phối hợp tổng hợp ý kiến của Nhân dân; phản ánh kịp thời những tâm tư, nguyện vọng, kiến nghị của Nhân dân với UBND xã và các cơ quan có liên quan để xem xét, giải quyết theo quy định.

Sau khi Nghị quyết của HĐND xã về sắp xếp thôn được ban hành, thực hiện việc bàn giao hồ sơ, tài liệu, sổ sách, tài sản công, cơ sở vật chất, các nguồn quỹ hợp pháp (nếu có) và các công việc liên quan theo quy định; phối hợp triển khai các nhiệm vụ kiện toàn tổ chức, ổn định hoạt động của thôn mới và bảo đảm duy trì các hoạt động của cộng đồng dân cư trong thời gian chuyển tiếp.

XIV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đề nghị Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Nội vụ tiếp tục quan tâm hướng dẫn, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện; kịp thời ban hành hoặc hướng dẫn thực hiện các chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn và các nội dung có liên quan đến việc sắp xếp thôn.

2. Đề nghị Đảng ủy xã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện việc triển khai thực hiện Đề án sắp xếp thôn trên địa bàn; kịp thời cho ý kiến chỉ đạo bảo đảm sự thống nhất trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện.

3. Đề nghị Hội đồng nhân dân xã xem xét, ban hành Nghị quyết về việc sắp xếp thôn trên địa bàn xã theo đúng thẩm quyền, tạo cơ sở pháp lý để tổ chức triển khai thực hiện Đề án.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, các tổ chức chính trị - xã hội, các thôn và toàn thể Nhân dân trên địa bàn tiếp tục phối hợp tuyên truyền, vận động, tạo sự đồng thuận cao trong quá trình triển khai thực hiện Đề án; phát huy vai trò giám sát của cộng đồng dân cư, góp phần bảo đảm việc sắp xếp thôn được thực hiện công khai, dân chủ, hiệu quả và đúng quy định.

UBND xã Bát Tràng báo cáo dự thảo Đề án sắp xếp thôn trên địa bàn xã Bát Tràng./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ TP Hà Nội;
- TT Đảng ủy, TT HĐND xã;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND xã;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam xã;
- Các phòng, ban, đơn vị thuộc xã;
- Các thôn trên địa bàn xã;
- Lưu: VT, VHXX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hoàng Tiên Dũng

Phụ lục 1.
DANH SÁCH HIỆN TRẠNG THÔN

STT	Tên thôn/TDP	Loại hình	Số hộ	Dân số	Diện tích (km ²)	Chi bộ	Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt	Người HDKCT	Đánh giá
1	Thôn 1 Giang Cao	Thôn	554	1985	0,3786	Có	Có	2	Sắp xếp
2	Thôn 2 Giang Cao	Thôn	431	1511	0,5857	Có	Đình làng	3	Sắp xếp
3	Thôn 3 Giang Cao	Thôn	575	2070	0,4303	Có	Có	3	Sắp xếp
4	Thôn 1 Làng Cổ Bát Tràng	Thôn	430	1527	0,1286	Có	Có	3	Sắp xếp
5	Thôn 2 Bát Tràng	Thôn	601	2132	0,1337	Có	Có	3	Sắp xếp
6	Thôn 1 Đông Dư	Thôn	454	1406	0,5790	Có	Có	2	Sắp xếp
7	Thôn 2 Đông Dư	Thôn	390	1257	1,0255	Có	Có	2	Sắp xếp
8	Thôn 3 Đông Dư	Thôn	408	1339	0,6230	Có	Có	2	Sắp xếp
9	Thôn 4 Đông Dư	Thôn	381	1221	0,6120	Có	Có	2	Sắp xếp
10	Thôn 5 Đông Dư	Thôn	515	1683	0,9960	Có	Có	2	Sắp xếp
11	Thôn 6 Đông Dư	Thôn	124	396	0,3935	Có	Có	2	Sắp xếp
12	Thôn Ngọc Động	Thôn	628	2330	0,7538	Có	Có	3	Sắp xếp
13	Thôn Lê Xá	Thôn	410	1380	0,3300	Có	Có	2	Sắp xếp
14	Thôn Đào Xuyên	Thôn	1026	3469	0,7	Có	Có	3	Giữ nguyên
15	Thôn Thuận Tồn	Thôn	1243	4416	1,5	Có	Có	3	Giữ nguyên
16	Thôn Khoan Tế	Thôn	1095	4082	2,3	Có	Có	3	Giữ nguyên

STT	Tên thôn/TDP	Loại hình	Số hộ	Dân số	Diện tích (km ²)	Chi bộ	Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt	Người HĐKCT	Đánh giá
17	Thôn Trung Quan 1	Thôn	538	1966	1,582	Có	Có	3	Sắp xếp
18	Thôn Trung Quan 2	Thôn	441	1734	1,241	Có	Có	3	Sắp xếp
19	Thôn Trung Quan 3	Thôn	346	1208	1,1068	Có	Có	3	Sắp xếp
20	Thôn Chử Xá	Thôn	829	3004	2,0948	Có	Có	3	Sắp xếp
21	Thôn Sơn Hồ	Thôn	185	676	0,6362	Có	Có	3	Sắp xếp
22	Thôn 1 Kim Lan	Thôn	250	851	0,5799	Có	Có	3	Sắp xếp
23	Thôn 2 Kim Lan	Thôn	470	1647	0,5174	Có	Có	3	Sắp xếp
24	Thôn 3 Kim Lan	Thôn	539	1858	0,4650	Có	Có	3	Sắp xếp
25	Thôn 4 Kim Lan	Thôn	400	1355	0,3592	Có	Có	3	Sắp xếp
26	Thôn 5 Kim Lan	Thôn	455	1582	0,8289	Có	Có	3	Sắp xếp

Phụ lục 2.
PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP THÔN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ BÁT TRÀNG

STT	Tên hiện nay	Loại hình	Hình thức sắp xếp	Tên sau sắp xếp	Số hộ sau sắp xếp	Dân số sau sắp xếp	Ghi chú
1	Thôn 1 Giang Cao, Thôn 2 Giang Cao và Thôn 3 Giang Cao	Thôn	Sáp nhập Đổi tên	Thôn Giang Cao	1560	5566	
2	Thôn 1 Làng Cổ Bát Tràng và Thôn 2 Bát Tràng	Thôn	Sáp nhập Đổi tên	Thôn Bát Tràng	1031	3659	
3	Thôn 1 Đông Dư, Thôn 2 Đông Dư và Thôn 6 Đông Dư	Thôn	Sáp nhập Đổi tên	Thôn Thượng Đông Dư	968	3059	
4	Thôn 3 Đông Dư, Thôn 4 Đông Dư và Thôn 5 Đông Dư	Thôn	Sáp nhập Đổi tên	Thôn Hạ Đông Dư	1304	4243	
5	Thôn Ngọc Động và Thôn Lê Xá	Thôn	Sáp nhập Đổi tên	Thôn Đa Tốn	1038	3710	
6	Thôn Đào Xuyên	Thôn	Giữ nguyên	Thôn Đào Xuyên	1026	3469	
7	Thôn Thuận Tốn	Thôn	Giữ nguyên	Thôn Thuận Tốn	1243	4416	
8	Thôn Khoan Tế	Thôn	Giữ nguyên	Thôn Khoan Tế	1095	4082	
9	Thôn Trung Quan 1, Thôn Trung Quan 2, Thôn Trung Quan 3	Thôn	Sáp nhập Đổi tên	Thôn Trung Quan	1325	4908	
10	Thôn Chử Xá và Thôn Sơn Hồ	Thôn	Sáp nhập Đổi tên	Thôn Chử Xá	1014	3680	
11	Thôn 1 Kim Lan, Thôn 2 Kim Lan và 2/3 Thôn 3 Kim Lan	Thôn	Sáp nhập Đổi tên	Thôn 1 Kim Lan	1051	3608	
12	Thôn 4 Kim Lan, Thôn 5 Kim Lan và 1/3 Thôn 3 Kim Lan	Thôn	Sáp nhập Đổi tên	Thôn 2 Kim Lan	1063	3685	

Phụ lục 3.
PHIẾU LẤY Ý KIẾN CỬ TRI ĐẠI DIỆN HỘ GIA ĐÌNH

Tên thôn/khu vực lấy ý kiến: ...

Nội dung lấy ý kiến: Phương án sắp xếp thôn trên địa bàn xã Bát Tràng theo Đề án của UBND xã Bát Tràng

Nội dung	Ý kiến đồng ý	Ý kiến không đồng ý	Ý kiến khác/kiến nghị
Sự cần thiết sắp xếp	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	...
Phương án sắp xếp, ranh giới, tên gọi	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	...
Phương án kiện toàn người hoạt động không chuyên trách	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	...

Đại diện hộ gia đình ký, ghi rõ họ tên: ...

Phụ lục 4.
BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU/TỔNG HỢP PHIẾU LẤY Ý KIẾN

Tên thôn/khu vực lấy ý kiến: ...

Nội dung lấy ý kiến: Phương án sắp xếp thôn trên địa bàn xã Bát Tràng theo Đề án của UBND xã Bát Tràng

STT	Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ
1	Tổng số hộ thuộc diện lấy ý kiến	...	100%
2	Số hộ tham gia ý kiến%
3	Số hộ đồng ý%
4	Số hộ không đồng ý%
5	Số phiếu/ý kiến không hợp lệ hoặc ý kiến khác%

Đại diện hộ gia đình ký, ghi rõ họ tên: ...

Phụ lục 5.
BÁO CÁO TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN NHÂN DÂN

STT	Ý kiến/kiến nghị	Số lượng hộ/ý kiến	Nội dung tiếp thu, giải trình	Điều chỉnh trong Đề án
1	Có/Không
2

Phụ lục 6.
PHỤ LỤC RANH GIỚI/BẢN ĐỒ THÔN, TỔ DÂN PHỐ

STT	Tên thôn/TDP sau sắp xếp	Tuyên ranh giới/mốc nhận diện	Số hộ	Dân số	Ghi chú
1	Thôn Giang Cao	Phía Đông giáp đường đê Long Biên - Xuân Quan; phía Tây giáp sông Hồng; phía Nam đến hết địa phận thôn 3 Giang Cao (cũ); phía Bắc đến hết địa phận thôn 1 Giang Cao (cũ)	1.560	5.566	
2	Thôn Bát Tràng	Phía Đông giáp đường đê Long Biên - Xuân Quan; phía Tây giáp sông Hồng; phía Nam đến hết địa phận thôn 1 Làng cổ Bát Tràng (cũ) và thôn 2 Bát Tràng (cũ); phía Bắc đến hết địa phận thôn 1 Làng cổ Bát Tràng (cũ) và thôn 2 Bát Tràng (cũ)	1.031	3.659	
3	Thôn Thượng Đông Dư	Phía Đông giáp đường Giáp Hải và toàn bộ thôn 6 Đông dư (cũ); phía Tây giáp đường đê Long Biên - Xuân Quan; phía Nam đến hết địa phận thôn 1 Đông Dư (cũ) và thôn 2 Đông Dư (cũ); phía Bắc giáp đường gom chân Cầu Thanh Trì	968	3.059	
4	Thôn Hạ Đông Dư	Phía Đông giáp đường Giáp Hải; phía Tây giáp đường đê Long Biên - Xuân Quan và giáp sông Hồng; phía Nam đến hết địa phận thôn 5 Đông Dư (cũ); phía Bắc đến hết địa phận thôn 3 Đông Dư (cũ) và thôn 4 Đông Dư (cũ)	1.304	4.243	
5	Thôn Đa Tốn	Phía Đông giáp sông Cầu Bậy; phía Tây đến hết khu vực đất nông nghiệp thôn Lê Xá (cũ) và thôn Ngọc Động (cũ); phía Nam đến hết địa phận thôn Ngọc Động (cũ), giáp xã Gia Lâm; phía Bắc đến hết địa phận thôn Lê Xá (cũ)	1.038	3.710	
6	Thôn Đào Xuyên	Phía Đông giáp sông Cầu Bậy, giáp thôn Lê Xá (cũ); phía Tây đến hết địa phận thôn Đào Xuyên, giáp thôn Thuận Tốn; phía Nam giáp đường Đa Tốn; phía Bắc giáp sông Cầu Bậy	1.026	3.469	
7	Thôn Thuận Tốn	Phía Đông đến hết địa phận thôn Thuận Tốn, giáp thôn Đào Xuyên; phía Tây giáp đường đê Long Biên - Xuân Quan; phía Nam đến hết địa phận thôn Thuận Tốn, khu vực trục đường Đa Tốn; phía Bắc giáp đường Lý Thánh Tông	1.243	4.416	
8	Thôn Khoan Tế	Phía Đông đến hết địa phận thôn	1.095	4.082	

STT	Tên thôn/TDP sau sắp xếp	Tuyên ranh giới/mốc nhận diện	Số hộ	Dân số	Ghi chú
		Khoan Tề; phía Tây giáp chuỗi ao, hồ Thuận Tôn, đường Giáp Hải; phía Nam đến hết địa phận thôn Khoan Tề, giáp tỉnh Hưng Yên; phía Bắc giáp đường Đa Tôn			
9	Thôn Quan Trung	Phía Đông giáp địa phận xã Kim Lan (cũ); phía Tây giáp sông Hồng; phía Nam đến hết địa phận thôn Trung Quan 2 (cũ) và thôn Trung Quan 3 (cũ); phía Bắc đến hết địa phận thôn Trung Quan 1 (cũ)	1.325	4.908	
10	Thôn Chử Xá	Phía Đông giáp địa phận tỉnh Hưng Yên; phía Tây giáp sông Hồng; phía Nam đến hết địa phận thôn Sơn Hồ (cũ); phía Bắc đến hết địa phận thôn Chử Xá (cũ)	1.014	3.680	
11	Thôn 1 Kim Lan	Phía Đông giáp địa phận tỉnh Hưng Yên; phía Tây giáp sông Hồng; phía Nam đến hết địa phận thôn 2 Kim Lan (cũ) và 2/3 thôn 3 Kim Lan (cũ); phía Bắc đến hết địa phận thôn 1 Kim Lan (cũ)	1.051	3.608	
12	Thôn 2 Kim Lan	Phía Đông giáp địa phận tỉnh Hưng Yên; phía Tây giáp sông Hồng; phía Nam đến hết địa phận thôn 5 Kim Lan (cũ) và 1/3 thôn 3 Kim Lan (cũ); phía Bắc đến hết địa phận thôn 4 Kim Lan (cũ) và 1/3 thôn 3 Kim Lan (cũ)	1.063	3.685	

Phụ lục 7.
PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ NGƯỜI HOẠT ĐỘNG
KHÔNG CHUYÊN TRÁCH SAU SẮP XẾP

STT	Hiện trạng thôn trước sắp xếp		Phương án sau sắp xếp		Người hoạt động không chuyên trách	
	Tên thôn	Số lượng người hoạt động không chuyên trách	Tên thôn	Số lượng người hoạt động không chuyên trách	Tăng (+)	Giảm (-)
	TỔNG CỘNG	87		60	+3	-30
1	Thôn 1 Giang Cao	3	1. Thôn Giang Cao	5		-6
2	Thôn 2 Giang Cao	4				
3	Thôn 3 Giang Cao	4				
4	Thôn 1 Làng cổ Bát Tràng	4	2. Thôn Bát Tràng	5		-3
5	Thôn 2 Bát Tràng	4				
6	Thôn 1 Đông Dư	3	3. Thôn Thượng Đông Dư	5		-2
7	Thôn 2 Đông Dư	2				
8	Thôn 6 Đông Dư	2				
9	Thôn 3 Đông Dư	2	4. Thôn Hạ Đông Dư	5		-2
-210	Thôn 4 Đông Dư	2				
11	Thôn 5 Đông Dư	3				
12	Thôn Ngọc Động	4	5. Thôn Đa Tồn	5		-2
13	Thôn Lê Xá	3				
14	Thôn Đào Xuyên	4	6. Thôn Đào Xuyên	5	+1	
15	Thôn Thuận Tồn	4	7. Thôn Thuận Tồn	5	+1	
16	Thôn Khoan Tế	4	8. Thôn Khoan Tế	5	+1	
17	Thôn Trung Quan 1	4	9. Thôn Trung Quan	5		-5

STT	Hiện trạng thôn trước sắp xếp		Phương án sau sắp xếp		Người hoạt động không chuyên trách	
	Tên thôn	Số lượng người hoạt động không chuyên trách	Tên thôn	Số lượng người hoạt động không chuyên trách	Tăng (+)	Giảm (-)
18	Thôn Trung Quan 2	3				
19	Thôn Trung Quan 3	3				
20	Thôn Chử Xá	4	10. Thôn Chử Xá	5		-2
21	Thôn Sơn Hồ	3				
22	Thôn 1 Kim Lan	3	11. Thôn 1 Kim Lan	5		-6
23	Thôn 2 Kim Lan	4				
24	Thôn 3 Kim Lan	4				
25	Thôn 4 Kim Lan	3	12. Thôn 2 Kim Lan	5		-2
26	Thôn 5 Kim lan	4				